

<p>SỞ GD & ĐT HA TỈNH</p> <p>ĐỀ THI CHÍNH THỨC</p> <p><i>(Đề thi gồm 04 trang, 40 câu)</i></p>	<p>KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2022</p> <p>Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI</p> <p>Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ</p> <p><i>Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề</i></p>
	Mã đề thi: 001

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:.....

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có bôxít?
A. Hưng Nhượng. **B.** Bồng Miêu. **C.** Khe Hoa. **D.** Măng Đen.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đường số 26 đi qua đèo nào sau đây?

- A.** Đèo Ngoạn Mục. **B.** Đèo An Khê.
C. Đèo Phụng Hoàng. **D.** Đèo Mang Yang.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

- A.** Hà Tĩnh. **B.** Thanh Hóa. **C.** Gia Lai. **D.** Kon Tum.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

- A.** Cảng Cửa Ông. **B.** Cảng Thuận An.
C. Cảng Việt Trì. **D.** Cảng Nhật Lệ.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết hồ Phú Ninh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A.** Quảng Nam. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Bình Định. **D.** Phú Yên.

Câu 46: Hệ thống sông nào có tiềm năng thủy điện lớn nhất trong các hệ thống sông sau đây?

- A.** Sông Xrê Pôk. **B.** Sông Gâm. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Đồng Nai.

Câu 47: Mục đích của việc thay đổi cơ cấu cây trồng ở Đông Nam Bộ là

- A.** bảo vệ rừng. **B.** tăng năng suất.
C. ngăn triều cường. **D.** chống xói mòn đất.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp với tỉnh Bắc Ninh?

- A.** Hưng Yên. **B.** Vĩnh Phúc. **C.** Phú Thọ. **D.** Quảng Ninh.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào có lượng mưa trung bình năm lớn nhất trong các trạm khí tượng sau đây?

- A.** Lạng Sơn. **B.** Sa Pa. **C.** Nha Trang. **D.** Đà Nẵng.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Yên Bái. B. Lạng Sơn. C. Bắc Giang. D. Tuyên Quang.

Câu 51: Biện pháp mở rộng diện tích rừng phòng hộ của nước ta là

- A. đóng cửa rừng. B. lập vườn quốc gia.
C. ngăn chặn khai thác. D. trồng rừng ven biển.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu GDP lớn nhất?

- A. Nha Trang. B. Cần Thơ. C. Đà Nẵng. D. Vũng Tàu.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Nam Định có ngành nào sau đây?

- A. Luyện kim đen. B. Dệt, may. C. Luyện kim màu. D. Sản xuất ô tô.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây nằm trên sông Gâm?

- A. Cửa Đạt. B. Bản Vẽ. C. Tuyên Quang. D. Sông Hinh.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây là trung tâm vùng?

- A. Huế. B. TP. Hồ Chí Minh. C. Hải Phòng. D. Đà Nẵng.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy điện nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Ninh Bình. B. Thác Bà. C. Na Dương. D. Hòa Bình.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh nào sau đây trồng nhiều cà phê và hồ tiêu?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Thanh Hóa.

Câu 58: Vùng đồi núi nước ta thường xảy ra

- A. nhiễm mặn đất. B. lũ nguồn. C. triều cường. D. ngập lụt.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết kênh Vĩnh Tế nối Châu Đốc với địa điểm nào sau đây?

- A. Cà Mau. B. Hà Tiên. C. Rạch Giá. D. Ngã Bảy.

Câu 60: Sản phẩm chuyên môn hóa công nghiệp của hướng Hà Nội - Thái Nguyên là

- A. khai thác than, điện. B. hóa chất, giấy.
C. điện, dệt - may. D. cơ khí, luyện kim.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

Quốc gia	Việt Nam	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
----------	----------	----------	-------------	----------

Số dân thành thị (triệu người)	34,2	33,7	25,1	16,9
Tỉ lệ dân thành thị (%)	35,0	50,7	76,6	30,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có số dân đông nhất?

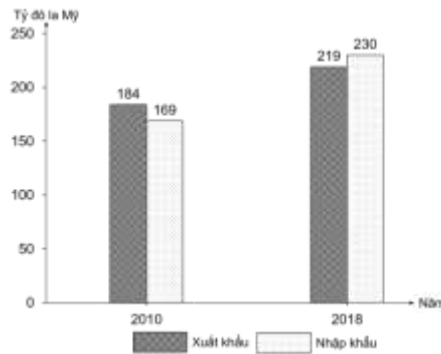
- A. Thái Lan. B. Mi-an-ma. C. Việt Nam. D. Ma-lai-xi-a.

Câu 62: Vùng đất của nước ta

- A. mở rộng đến hết nội thủy. B. có đường biên giới kéo dài.
C. lớn hơn vùng biển nhiều lần. D. thu hẹp theo chiều bắc - nam.

Câu 63: Việc chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế nước ta hiện nay

- A. đang diễn ra với tốc độ còn chậm. B. làm hạ thấp tỉ trọng nông nghiệp.
C. đã hình thành các khu công nghiệp. D. theo hướng giảm tỉ trọng dịch vụ.



Câu 64: Cho biểu đồ:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A NĂM 2010 VÀ 2018

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi giá trị xuất, nhập khẩu năm 2018 so với năm 2010 của In-đô-nê-xi-a?

- A. Xuất khẩu tăng và nhập khẩu giảm. B. Nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu.
C. Xuất khẩu tăng gấp hai lần nhập khẩu. D. Nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu.

Câu 65: Cây công nghiệp ở nước ta hiện nay

- A. được trồng theo hướng tập trung. B. có cơ cấu cây trồng chưa đa dạng.
C. chỉ phân bố tập trung ở vùng núi. D. chủ yếu là có nguồn gốc cận nhiệt.

Câu 66: Điều kiện thuận lợi đối với nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là

- A. có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ. B. khí hậu và thời tiết ổn định, ít thiên tai.
C. có nhiều bãi triều, cánh rừng ngập mặn. D. có các ngư trường lớn ở ngoài khơi xa.

Câu 67: Mạng lưới giao thông vận tải của nước ta hiện nay

- A. chưa được kết nối với khu vực. B. phân bố khá đều giữa các vùng.

C. chỉ ưu tiên phát triển đường bộ.

D. được phát triển khá toàn diện.

Câu 68: Dân cư nước ra hiện nay

A. phân bố hợp lí giữa các vùng.

B. có xu hướng giảm về mật độ.

C. tập trung chủ yếu ở các đô thị.

D. có mật độ cao ở đồng bằng.

Câu 69: Đô thị nước ta hiện nay

A. có cơ sở hạ tầng rất hoàn thiện.

B. tạo ra nhiều cơ hội về việc làm.

C. có tỉ lệ thiếu việc làm rất cao.

D. tập trung đa số dân cư cả nước.

Câu 70: Ý nghĩa về kinh tế của các đảo và quần đảo ở nước ta là

A. tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.

B. hệ thống căn cứ tiền ra biển và đại dương.

C. bảo vệ chủ quyền biển đảo và thềm lục địa.

D. bảo vệ tài nguyên, môi trường vùng biển.

Câu 71: Các mặt hàng xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

A. đẩy mạnh liên doanh, hội nhập toàn cầu sâu.

B. kinh tế tăng trưởng, đẩy mạnh hiện đại hoá.

C. sản xuất phát triển, thị trường được mở rộng.

D. mở rộng sản xuất, mức sống ngày càng tăng.

Câu 72: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long là

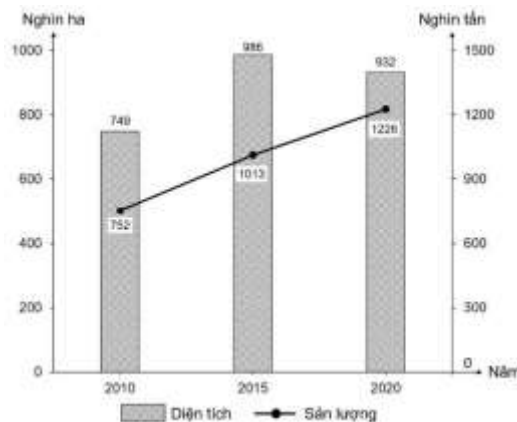
A. tạo ra nhiều nông sản, phát huy các thế mạnh.

B. sử dụng hợp lí tự nhiên, tăng hiệu quả kinh tế.

C. tăng khối lượng hàng hoá, phục vụ xuất khẩu.

D. cải tạo đất đai, phát huy thế mạnh về tự nhiên.

Câu 73: Cho biểu đồ cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Cơ cấu diện tích và sản lượng cao su.

B. Quy mô diện tích và sản lượng cao su.

C. Tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su.

D. Chuyển dịch cơ cấu diện tích và sản lượng cao su.

Câu 74: Khí hậu của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của

A. vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây.

B. hoàn lưu khí quyển, vị trí nằm gần đường chí tuyến Bắc, địa hình núi.

C. địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.

D. núi cao, gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo.

Câu 75: Cây công nghiệp, cây dược liệu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của

A. chuyên môn hoá nông nghiệp, tăng cường hoạt động xuất khẩu.

B. đa dạng hoá nông nghiệp, gắn nông nghiệp công nghiệp chế biến.

C. ứng dụng khoa học kỹ thuật, giải quyết việc làm cho người dân.

D. sản xuất theo hướng hàng hoá, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MUỐI BIỂN VÀ NƯỚC MẮM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	2015	2017	2018	2020
Muối biển (nghìn tấn)	1061,0	648,5	996,5	1205,5
Nước mắm (triệu lít)	339,5	373,7	374,8	377,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng muối biển và nước mắm của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột.

B. Tròn.

C. Miền.

D. Đường.

Câu 77: Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

A. nâng cấp cơ sở hạ tầng, đảm bảo nguồn nguyên liệu.

B. thúc đẩy công nghiệp hóa, đẩy mạnh việc xuất khẩu.

C. tăng cường thiết bị hiện đại, sử dụng công nghệ mới.

D. nâng cao chất lượng lao động, mở rộng khu chế xuất.

Câu 78: Mục đích chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đáp ứng nhu cầu dân cư, tăng hội nhập quốc tế.
- B. phát triển kinh tế, đẩy mạnh hoạt động giao lưu.
- C. khai thác lợi thế tự nhiên, phát triển kinh tế mở.
- D. thu hút đầu tư, hình thành khu kinh tế ven biển.

Câu 79: Giải pháp chủ yếu thúc đẩy sự phát triển các khu kinh tế ven biển ở Bắc Trung Bộ là

- A. hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường, tăng cường xuất khẩu.
- B. thu hút đầu tư, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo nguồn lao động.
- C. phát triển nguyên liệu, khai thác hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường.
- D. đảm bảo năng lượng, mở rộng diện tích, tạo thêm nhiều sản phẩm mới.

Câu 80: Thuận lợi chủ yếu để phát triển cây cao su ở Tây Nguyên là

- A. đất badan màu mỡ, có các cao nguyên cao.
- B. đất đai màu mỡ, có nhiều vùng khuất gió.
- C. khí hậu cận xích đạo, phân hóa theo độ cao.
- D. có nhiều cao nguyên cao, khí hậu mát mẻ.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41 - D	42 - C	43 - B	44 - C	45 - A	46 - D	47 - B	48 - A	49 - B	50 - C
51 - D	52 - D	53 - B	54 - C	55 - C	56 - A	57 - C	58 - B	59 - B	60 - D
61 - C	62 - B	63 - A	64 - D	65 - A	66 - C	67 - D	68 - D	69 - B	70 - B
71 - C	72 - B	73 - B	74 - B	75 - D	76 - D	77 - C	78 - B	79 - B	80 - B